

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-ST

Ngày 15 – 3 – 2022

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Tiêu Hồng Phụng

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Phi Hùng

Ông Nguyễn Tấn Lộc

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đỗ Hồng Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Ngày 15 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 229/2021/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Lê Mỹ T, sinh năm 1988;

ĐKNKTT: Ấp K 5A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Tạm trú: Ấp 2, xã Tr, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (có mặt)

**- Bị đơn:** Anh Phạm Văn B, sinh năm 1989;

Địa chỉ: Ấp K 5A, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 31/5/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lê Mỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Phạm Văn B được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2018 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Thới Bình. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T xác định chị và anh B có 01 con chung tên Phạm Thanh Tr sinh ngày 18/01/2019, hiện đang sống cùng với chị. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trúc, không yêu cầu anh B cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị T xác định không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ lại vợ chồng, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

\* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án trực tiếp tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho anh Phạm Văn B nhưng anh B không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của chị T, không tham gia hòa giải và xét xử.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Anh Phạm Văn B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh B.

[2] Về hôn nhân: Chị T với anh B tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2018, có đăng ký kết hôn. Tại Điều 8 và Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014, thì mối quan hệ hôn nhân giữa chị Lê Mỹ T với anh Phạm Văn B được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Theo chị T xác định trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, chung sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa chị T xác định không còn tình cảm với anh B và cũng không thể tiếp tục chung sống với anh B được nữa nên vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với anh B; đối với anh Phạm Văn B, mặc dù đã biết được nội dung khởi kiện xin ly hôn của chị T nhưng anh B không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T, điều này cho thấy anh B đã không mong muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân này nữa. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị T với anh B đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn với anh B là phù hợp.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 người con tên Phạm Thanh Trúc sinh ngày 18/01/2019, đang sống cùng với chị T. Khi ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trúc; đối với anh B không có ý kiến về việc nuôi con chung. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi anh B và chị T ly thân cho đến nay cháu Tr do chị T trực tiếp nuôi dưỡng và cháu Tr vẫn phát triển bình thường. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 giao cháu

Trúc cho chị T được tiếp tục nuôi dưỡng là có căn cứ; đối với việc cấp dưỡng cho con chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ ai và không ai nợ lại vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với anh B không có ý kiến gì về tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Chị Lê Mỹ T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81 và Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Mỹ T. Cho chị Lê Mỹ T được ly hôn với anh Phạm Văn B.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thanh Tr sinh ngày 18/01/2019 cho chị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; việc cấp dưỡng cho con không đặt ra. Anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Mỹ T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0014645 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình; chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- CCTHADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Trí Phải, huyện Thới Bình;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tiêu Hồng Phụng**